**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN 10**

**(Thời gian làm bài: 90 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chủ đề / Nội dung** | **Mức độ** | **Tổng số** |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** |
| **Đọc hiểu** | Văn bản thơ (tương đương thể thơ, đề tài với các văn bản ở Bài 2 trong SGK) |  Xác định vần của bài thơ/đoạn thơ.  Nhận biết nhân vật trữ tình trong bài thơ.  Chỉ ra bố cục của bài thơ. Nhận biết phép đối được sử dụng trong bài thơ.  |  Giải nghĩa từ ngữ trong bài thơ. Nêu chủ đề của bài thơ. Nêu nội dung của một số câu thơ.  Nêu đặc điểm/tâm trạng của của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  |  Nhận xét về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.  Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc. |  |
| **Số câu****Số điểm**  **Tỉ lệ** | **4****2,0****20%** | **4****2,0****20%** | **2****1,0****10%** | **10****5,0****50%** |
| **Viết** | Viết bài văn nghị luận xã hội.  |  |  | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội. |  |
| Số câuSố điểm  Tỉ lệ |  |  | **1****5,0****50%** | **1****5,0****50%** |
| **Tổng số** |  | **4****2,0****20%** | **4****2,0****20%** | **3****6,0****60%** | **11****10****100%** |
| **Chú thích:**  Mức độ đánh giá: chia làm 3 mức độ theo yêu cầu về KTĐG của CT Ngữ văn 2018 (biết, hiểu, vận dụng) Các chuẩn / tiêu chí kiểm tra và đánh giá hoạt động đọc hiểu: căn cứ vào yêu cầu cần đạt của đọc hiểu văn bản thơ trong CT Ngữ văn 2018 và SGK *Ngữ văn 10* – Bộ Cánh Diều (Bài 2). Các tiêu chí kiểm tra và đánh giá hoạt động viết: căn cứ vào yêu cầu cần đạt của hoạt động viết trong CT Ngữ văn 2018 và SGK *Ngữ văn 10* – Bộ Cánh Diều (Bài 1). Thang điểm: 10. |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT…………**TRƯỜNG………………….** *(Đề thi gồm có … trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I****Môn: *NGỮ VĂN 10****(Thời gian làm bài: 90 phút)* |

**Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)**

***Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:***

**TỰ TRÀO**

*Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,*

*Chẳng gầy chẳng béo, chỉ làng nhàng.*

*Cờ đương dở cuộc không còn nước*([[1]](#footnote-1))*,*

*Bạc chửa thâu canh đã chạy làng*([[2]](#footnote-2)).

*Mở miệng nói ra gàn bát sách*([[3]](#footnote-3)),

*Mềm môi chén mãi tít cung thang*([[4]](#footnote-4)).

*Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,*

*Thế cũng bia xanh, cũng bảng vàng!*

(Nguyễn Khuyến

Dẫn theo https://www.thivien.net)

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:***

**Câu 1.** Bài thơ được gieo vần gì?

A. Vần lưng

B. Vần chân

C. Vần liền

D. Vần cách

**Câu 2.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?

A. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “mình”

B. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “tôi”

C. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng

D. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp

**Câu 3.** Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào?

A. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối)

B. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)

C. Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc bốn phần (mỗi phần 2 câu)

D. Ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối) hoặc ba phần (2 câu đầu, 2 câu tiếp và 4 câu cuối)

**Câu 4.** Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

A. 1 – 2 và 3 – 4

B. 3 – 4 và 5 – 6

C. 5 – 6 và 7 – 8

D. 1 – 2 và 7 – 8

**Câu 5.** “Tự trào” có nghĩa là gì?

A. Tự kể về mình

B. Tự viết về mình

C. Tự nói về mình

D. Tự cười mình

**Câu 6.** Trong bài thơ trên, nhân vật trữ tình “tự trào” điều gì?

A. Cái nghèo của mình

B. Cái dốt nát của mình

C. Cái vô tích sự của mình

D. Cái khôn ngoan của mình

**Câu 7.** Nhận định nào nói đầy đủ và chính xác nhất những điều cụ thể mà nhân vật trữ tình “tự trào”?

A. Không có gì nổi bật, không có trình độ, không được mọi người yêu quý, có những thói quen xấu

B. Không thích nghi được với thời cuộc, gàn dở, không được mọi người ưa thích, không có tài năng

C. Có những thói quen xấu, không thích nghi được với thời cuộc, không có trình độ, không có lòng tự trọng

D. Không có gì nổi bật, không thích nghi được với thời cuộc, có những thói quen xấu, không phát huy được khả năng

**Câu 8.** “Tự trào” cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?

A. Lòng yêu nước

B. Sự hiếu học

C. Lòng tự trọng

D. Tính hài hước

**Câu 9.** Vì sao nói tiếng cười của Nguyễn Khuyến trong bài thơ là tiếng cười của lương tâm, của ý thức liêm sỉ, thâm thuý và thấm đẫm nước mắt? Trả lời trong khoảng 5  7 dòng.

**Câu 10.** Anh / chị có khi nào “tự trào” không? Hãy lí giải cụ thể. Trả lời trong khoảng 5  7 dòng.

**Phần II. Viết (5,0 điểm)**

Theo anh / chị, mỗi người chúng ta có cần phải biết “tự trào” không? Vì sao? Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề này.

----- Hết -----

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ KIÊM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: *NGỮ VĂN***

**Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)**

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Đáp án: 1 – B, 2 – A, 3 – B, 4 – B, 5 – D, 6 – C, 7 – D, 8 – C.

**Câu 9.** HS nêu suy nghĩ của cá nhân, viết đúng dung lượng.

Cần thấy được Nguyễn Khuyến vốn là một người thành công trên con đường học vấn nhưng nhà thơ luôn cảm thấy băn khoăn, day dứt vì mình không làm được điều gì có ích cho dân, cho nước. Điều duy nhất mà ông có thể làm là tỏ thái độ bất hợp tác, lui về quê ở ẩn nhằm giữ gìn danh tiết, nhân cách và cũng để quên đi những dằn vặt, đớn đau. Do đó, viết về mình, ông thường cười cái danh vọng và sự vô tích sự của mình. Đó là cái cười của con người có lương tâm, có ý thức liêm sỉ (bản tính trong sạch, biết tránh không làm những việc khiến mình phải xấu hổ), thâm thuý và thấm đẫm nước mắt bởi chua xót và bất lực.

**Câu 10.** HS trả lời theo suy nghĩ của cá nhân, có lí giải hợp lí, viết đúng dung lượng.

 **Phần II. Viết (5,0 điểm)**

***\* Yêu cầu chung:*** HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận xã hội. Bài viết phải có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

***\* Yêu cầu cụ thể:***

Bài viết cần đảm bảo các yêu cầu sau:

 Có bố cục 3 phần đầy đủ, rõ ràng. (0,5 điểm)

 Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận (mỗi người cần biết “tự trào”). (0,25 điểm)

 Thân bài:

+ Giải thích “tự trào” và các biểu hiện của “tự trào”. (1,0 điểm)

+ Bàn luận: cần hay không cần biết “tự trào” và có lí giải hợp lí; có ví dụ minh hoạ. (1,5 điểm)

+ Liên hệ bản thân và rút ra bài học về nhận thức và hành động. (0,5 điểm)

 Kết bài: Khẳng định lại vấn đề đã bàn luận. (0,25 điểm)

 Diễn đạt độc đáo và sáng tạo (dùng từ, đặt câu). (0,5 điểm)

 Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. (0,5 điểm)

1. (1) *Không còn nước*: bí không có nước đi khi đánh cờ. [↑](#footnote-ref-1)
2. (2) *Chạy làng*: đánh bạc nửa chừng, bỏ không chơi nữa. [↑](#footnote-ref-2)
3. (3) *Gàn bát sách*: thành ngữ chỉ suy nghĩ, hành động trái lẽ thường, khiến mọi người khó chịu (“bát sách” là tên một quân bài tổ tôm). [↑](#footnote-ref-3)
4. (4) *Tít cung thang*: trạng thái say sưa cao độ (“thang” là tên quân bài tổ tôm, đối với quân “bát sách” ở câu trên) [↑](#footnote-ref-4)